

Số: 54/2020/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa:

Chị Phan Thị L, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1993; HKTT: Thôn Th H Đ, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, Địa chỉ: Thôn 10, xã Đ H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Anh Hồ Văn N, sinh ngày 28 tháng 10 năm: 1992; Địa chỉ: Thôn Th H Đ, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phan Thị L, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1993; HKTT: Thôn Th H Đ, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, Địa chỉ: Thôn 10, xã Đ H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Hồ Văn N, sinh ngày 28 tháng 10 năm: 1992; Địa chỉ: Thôn Th H Đ, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hồ Nhã Ph, sinh ngày 02/4/2013.

Trên cơ sở nguyện vọng của cháu Ph, hai đương sự thỏa thuận giao cháu Hồ Nhã Ph, sinh ngày 02/4/2013 cho chị Phan Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai người thỏa thuận anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000952 ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi Hành Án Dân sự huyện Phong Điền. Chị L được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Đ
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt